

THÔNG BÁO

Vv tuyển sinh trình độ thạc sĩ - đợt 2 năm 2026

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2026 với nội dung chi tiết như sau:

1. Hình thức, thời gian và ngôn ngữ đào tạo

- Hình thức đào tạo: Chính quy, áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.
- Thời gian đào tạo: 1,5 năm (18 tháng), tối đa là 3 năm (36 tháng).
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt; riêng chương trình Thú y cộng đồng (thuộc ngành Thú y) được đào tạo bằng Tiếng Anh.

2. Điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương); đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp đại học từ khá trở lên hoặc là tác giả chính của công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Ứng viên tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp văn bằng, phải có giấy xác nhận công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Có năng lực ngoại ngữ đạt từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; riêng ngành Thú y cộng đồng yêu cầu năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trường hợp chưa đạt yêu cầu, ứng viên phải tham gia thi sát hạch môn Tiếng Anh theo quy định của Trường.

3. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có khối lượng 60 tín chỉ, gồm hai định hướng: định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.
- Các ngành đào tạo theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng: Công nghệ Sinh học, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Hóa học, Công nghệ Thực phẩm, Kỹ thuật Chế biến Lâm sản, Chăn nuôi, Khoa học Cây trồng, Bảo vệ Thực vật,



Kinh tế Nông nghiệp, Lâm học, Thú y, Thú y cộng đồng (Chương trình thuộc ngành Thú y, ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh), Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Quản lý Đất đai, Quản lý Kinh tế, Nuôi trồng Thủy sản.

- Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến; mức học phí dự kiến được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông báo này.

- Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần; các môn học bổ sung; mức học phí dự kiến được đăng tải tại website của Phòng Quản lý đào tạo: <https://pqldt.hcmuaf.edu.vn>

4. Phương thức tuyển sinh

Bao gồm xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển

4.1 Xét tuyển (miễn thi)

Hình thức xét tuyển được áp dụng cho các ứng viên đáp ứng các tiêu chí sau:

- Năng lực ngoại ngữ: đáp ứng một trong những yêu cầu cụ thể như sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học chương trình tiên tiến (ngôn ngữ đào tạo bằng tiếng Anh);

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Nông lâm TP.HCM cấp trong thời gian không quá 02 năm (tính đến ngày đăng ký dự tuyển) mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Phụ lục I) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Ngành tốt nghiệp đại học: ngành đúng/phù hợp, ngành gần chuyên ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, đáp ứng một trong những yêu cầu cụ thể như sau:

+ Ứng viên phải có kết quả xếp loại học tập đại học đạt loại khá trở lên;

+ Ứng viên là tác giả chính của công bố khoa học (bài báo được chấp nhận đăng trong danh mục tạp chí khoa học được tính điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước, hoặc bài báo được xuất bản toàn văn trong các hội nghị, hội thảo có phản biện và có chỉ số xuất bản ISBN) liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Trường hợp ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người

C
TRU
HOC
THAN
HOC

nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký sẽ được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học để xét tuyển.

4.2 Thi tuyển

Hình thức thi tuyển áp dụng cho các ứng viên đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học nhưng không thuộc đối tượng xét tuyển, chỉ đáp ứng điều kiện dự tuyển (*bao gồm ứng viên tốt nghiệp đại học xếp loại trung bình, trung bình khá, tốt nghiệp đại học ngành xa so với chuyên ngành dự tuyển*).

Các môn thi tuyển:

- 1) Môn Cơ bản (*Theo danh mục đính kèm*);
- 2) Môn Cơ sở (*Theo danh mục đính kèm*);
- 3) Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh.

4.3 Kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển

- Ứng viên chỉ đáp ứng các yêu cầu về tốt nghiệp ngành đúng/phù hợp, ngành gần với chuyên ngành dự tuyển, và có kết quả xếp loại học tập đại học đạt loại khá trở lên hoặc là tác giả chính của công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu mà chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ, ứng viên sẽ dự thi sát hạch môn ngoại ngữ (được miễn thi môn cơ bản và cơ sở); hoặc

- Ứng viên chỉ đáp ứng yêu cầu năng lực ngoại ngữ mà chưa đáp ứng các yêu cầu còn lại, ứng viên sẽ dự thi môn cơ bản và môn cơ sở ngành của ngành đăng ký dự tuyển (được miễn thi môn ngoại ngữ).

5. Đăng ký dự tuyển, thời gian và lệ phí

5.1. Đăng ký dự tuyển

Ứng viên thực hiện đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ trực tuyến bằng cách quét mã QR hoặc truy cập địa chỉ <https://ts.hcmuaf.edu.vn>.



Hồ sơ gồm:

- Văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời;
- Bảng điểm đại học;
- Minh chứng là tác giả chính của công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dự tuyển (nếu có);
- Minh chứng về năng lực ngoại ngữ (đủ điều kiện xét miễn thi môn tiếng Anh theo mục 4.1);



- Minh chứng đã thanh toán lệ phí tuyển sinh.

Các hồ sơ được tải lên hệ thống dưới dạng bản file pdf hoặc scan/ ảnh chụp rõ nét. Ứng viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin và hồ sơ đã kê khai. Sau khi trúng tuyển, Nhà trường sẽ đối chiếu hồ sơ gốc theo quy định.

5.2. Thời gian:

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển đến 15 giờ 00 ngày 02/10/2026.
- Thời gian xét tuyển (dự kiến): từ ngày 12/10 đến ngày 30/10/2026.
- Thời gian ôn thi (dự kiến): từ ngày 07/11 đến ngày 22/11/2026.
- Thời gian thi tuyển (dự kiến): ngày 28 và 29/11/2026.
- Thời gian làm thủ tục nhập học (dự kiến): 19/12/2026.
- Thời gian bắt đầu học (dự kiến): 26/12/2026.

5.3 Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí tuyển sinh: 420.000 đồng/hồ sơ.

- Hình thức đóng lệ phí: chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng (Chủ tài khoản: Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM, Số TK: 117000042304 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh Thủ Đức – Nội dung chuyển khoản: LPS Họ tên, chuyên ngành dự tuyển, năm thi tuyển). Sau khi chuyển khoản, ứng viên tải minh chứng thanh toán lên hệ thống đăng ký trực tuyến.

5.4. Thông tin liên hệ

- **Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh** (Phòng G01, Tòa nhà Thiên Lý, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: 028.38963350; E-mail: pqltdt@hcmuaf.edu.vn; Website: <http://ts.hcmuaf.edu.vn>);

- **Phân hiệu Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận** (Số 8 đường Yên Ninh, Phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa, Điện thoại: 0259.3873169 hoặc liên hệ Cô Huỳnh Thanh Trúc: 0908858487).

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Các đơn vị;
- Thông báo rộng rãi;
- Website tuyển sinh;
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS. TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH VÀ CÁC MÔN THI TUYỂN CAO HỌC KHOA 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Thông báo số 3432/TB-ĐHNL ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM)

STT	Ngành	Mã ngành	CÁC MÔN THI TUYỂN		
			Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
1	Quản lý Kinh tế	8310110	Xác suất – Thống kê	Kinh tế học	Tiếng Anh
2	Công nghệ Sinh học	8420201	Xác suất -Thống kê	Sinh học phân tử	Tiếng Anh
3	Kỹ thuật Cơ khí	8520103	Toán Cao cấp	Sức bền vật liệu	Tiếng Anh
4	Kỹ thuật hóa học	8520301	Toán Cao cấp	Hóa cơ sở đại cương	Tiếng Anh
5	Kỹ thuật Môi trường	8520320	Xác suất -Thống kê	Kỹ thuật môi trường đại cương	Tiếng Anh
6	Công nghệ thực phẩm	8540101	Xác suất -Thống kê	Hóa sinh thực phẩm	Tiếng Anh
7	Kỹ thuật Chế biến Lâm sản	8549001	Toán cao cấp	Khoa học gỗ	Tiếng Anh
8	Chăn nuôi	8620105	Xác suất -Thống kê	Sinh lý gia súc	Tiếng Anh
9	Khoa học cây trồng	8620110	Xác suất -Thống kê	Sinh lý thực vật	Tiếng Anh
10	Bảo vệ thực vật	8620112	Xác suất -Thống kê	Sinh lý thực vật	Tiếng Anh
11	Kinh tế Nông nghiệp	8620115	Xác suất -Thống kê	Kinh tế học	Tiếng Anh
12	Lâm học	8620201	Xác suất -Thống kê	Sinh lý thực vật	Tiếng Anh
13	Nuôi trồng thủy sản	8620301	Xác suất -Thống kê	Sinh lý Sinh thái cá	Tiếng Anh
14	Thú y	8640101	Xác suất -Thống kê	Sinh lý gia súc	Tiếng Anh
15	Thú y cộng đồng (Chương trình thuộc ngành Thú y, ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh)		Xác suất -Thống kê	Sinh lý gia súc	Tiếng Anh
16	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	8850101	Xác suất -Thống kê	Khoa học môi trường	Tiếng Anh
17	Quản lý đất đai	8850103	Xác suất -Thống kê	Quản lý hành chính về đất đai	Tiếng Anh

Phụ lục I
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI
MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN
(Kèm theo Thông báo số 3430/TB-ĐHNL ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
			Tương đương Bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT*	30 - 45
		TOEFL ITP	450 - 499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149
		Aptis ESOL International Certificate	B1 (Đơn vị cấp: British Council (BC))
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2 (Đơn vị cấp: Pearson)
		Pearson Test of English Academic (PTE)	Thang điểm từ 43 trở lên (Đơn vị cấp: Pearson)
		LANGUAGECERT International ESOL	B1 Achiever
		LANGUAGECERT Academic	Thang điểm từ 40 trở lên
		Oxford Test of English (OTE)	Khung thang điểm OTE: từ 81 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1

* Ghi chú:

- Không chấp nhận kết quả kỳ thi TOEFL iBT Home Edition.
- Các chứng chỉ ngoại ngữ phải do đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức sát hạch và công nhận cho việc tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.



Phụ lục II
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH DỰ KIẾN, HỌC PHÍ DỰ KIẾN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 34.38/TB-ĐHNL ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Học phí đồng/tín chỉ	Tổng số tín chỉ trung bình toàn khóa	Tổng học phí toàn khóa dự kiến
1	Quản lý kinh tế	8310110	99	955,000	60	57,300,000
2	Công nghệ sinh học	8420201	45	965,000	60	57,900,000
3	Kỹ thuật cơ khí	8520103	35	1,045,000	60	62,700,000
4	Kỹ thuật hoá học	8520301	25	1,045,000	60	62,700,000
5	Kỹ thuật môi trường	8520320	25	1,045,000	60	62,700,000
6	Công nghệ thực phẩm	8540101	45	1,045,000	60	62,700,000
7	Kỹ thuật chế biến lâm sản	8549001	21	1,045,000	60	62,700,000
8	Chăn nuôi	8620105	35	1,045,000	60	62,700,000
9	Khoa học cây trồng	8620110	67	1,045,000	60	62,700,000
10	Bảo vệ thực vật	8620112	40	1,045,000	60	62,700,000
11	Kinh tế nông nghiệp	8620115	27	1,045,000	60	62,700,000
12	Lâm học	8620201	41	1,045,000	60	62,700,000
13	Nuôi trồng thủy sản	8620301	35	1,045,000	60	62,700,000
14	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	40	955,000	60	57,300,000
15	Quản lý đất đai	8850103	98	955,000	60	57,300,000
16	Thú y	8640101	87	1,045,000	60	62,700,000
17	Thú y cộng đồng (Chương trình thuộc ngành Thú y, ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh)				60	125,000,000